

ĐỀ CƯƠNG MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Nguồn gốc, con đường hình thành kinh tế thị trường
2. Các giai đoạn phát triển KTTT? Đặc trưng của từng giai đoạn
3. Bản chất, đặc trưng, ưu thế và các khuyết tật của cơ chế thị trường
4. Những nhân tố quy định sự khác biệt của các MHKTTT?
5. Vai trò của KTTT trong sự nghiệp xây dựng CNXH?
6. Những nhân tố ảnh hưởng và những đặc trưng chủ yếu của MHKTTT VN?
7. Các MH ptriển KTTT rút ngắn trên TG? Những điều kiện để phát triển KTTT rút ngắn và khả năng phát triển KTTT rút ngắn ở VN?
8. Phát triển bền vững là gì? Việt Nam cần làm gì để phát triển KTTT theo hướng bền vững?
9. Các mqh chủ yếu cần giải quyết trong quá trình phát triển KTTT ở VN?
10. Những thành công và hạn chế chủ yếu trong giải quyết các mqh lớn đó?
11. Ảnh hưởng của việc giải quyết các mqh lớn đến phát triển KTTT ở VN?
12. Vai trò của nhà nước trong quá trình phát triển KTTT ở nước ta? Nhà nước cần được xây dựng ntn để thực hiện vai trò đó?
13. Các giải pháp đẩy nhanh quá trình xây dựng nền KTTT hiện đại ở nước ta?
14. Các giải pháp tiếp cận và thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0 ở nước ta?
15. Các giải pháp phát triển nguồn nhân lực ở nước ta?

Câu 1. Nguồn gốc, con đường hình thành KTTT?

Từ sự phát triển của lực lượng sản xuất

- Thời nguyên thủy, để tồn tại con người phải sống thành bầy đàn; sống dựa vào săn bắn và hái lượm; làm chung ăn chung. Như thế, trong mỗi cộng đồng người nguyên thủy (công xã, bộ tộc, bộ lạc), sự tồn tại của mỗi cá nhân trực tiếp phụ thuộc vào cộng đồng. Lực lượng sản xuất quá thấp kém sẽ không thể có trao đổi sản phẩm.

Khi lực lượng sản xuất phát triển, sản phẩm thặng dư xuất hiện, quan hệ trao đổi giữa các công xã, bộ tộc, bộ lạc bắt đầu hình thành; sản xuất hàng hóa bắt đầu từ đó. Tuy nhiên, sản xuất hàng hóa ở thời kỳ này hết sức sơ khai, mang tính ngẫu nhiên. Cùng với sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ hàng hóa-tiền tệ cũng ngày càng phát triển cả về quy mô và trình độ. Kinh tế hàng hoá phát triển đến trình độ mà toàn bộ các yếu tố “đầu vào” và “đầu ra” của sản xuất đều thông qua thị trường thì kinh tế thị trường xuất hiện.

Như vậy, xét về mặt lịch sử, kinh tế thị trường là sản phẩm tất yếu của sản xuất hàng hoá, của sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội.

Tuy nhiên, trong phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ và phương thức sản xuất phong kiến, mặc dù lực lượng sản xuất từng bước phát triển nhưng vẫn chưa thể có kinh tế thị trường vì mục đích của sản xuất vẫn là để thỏa mãn nhu cầu trực tiếp của người sản xuất; sản xuất mang tính khép kín. Đến chủ nghĩa tư bản, mục đích của sản xuất là cho “người khác”, cho xã hội; hoạt động sản xuất mang tính “mở” trên phạm vi địa phương, khu vực và quốc gia nên kinh tế thị trường mới xuất hiện và ngày càng phát triển. Bởi vậy, sự hình thành phát triển kinh tế thị trường gắn liền với quá trình xã hội hóa sản xuất - xã hội hóa cả lực lượng sản xuất và cả quan hệ sản xuất.

Bổ sung con đường phát triển KTTT rút ngắn.

Câu 2: Các giai đoạn phát triển KTTT? Đặc trưng của từng giai đoạn?

- Trình độ Phát triển của KT hàng hóa, KTTT gắn liền với sự phát triển của 3 giai đoạn xã hội hóa sản xuất:

+ Thứ nhất: Sản xuất hàng hóa giản đơn

- Điều kiện ra đời: Phân công lao động xã hội đạt đến trình độ nhất định và chế độ tư hữu về TLSX đã tương đối phổ biến. Phân công lao động xã hội là thước đo trình độ xã hội hóa sản xuất
- Những đặc trưng chủ yếu:
LLSX thấp kém, công cụ lao động thủ công
Quan hệ trao đổi mang tính ngẫu nhiên, đơn giản
Tư hữu nhỏ với hình thức phổ biến là cá nhân và hộ gia đình
- SXHH giản đơn thuộc nền kinh tế tiền thị trường
- SXHH giản đơn tồn tại trong chế độ chiếm hữu nô lệ và phong kiến
- Gắn liền với thời đại nông nghiệp -> nông nghiệp tiểu nông

+ Thứ hai: KTTT tự do

▪ KTTT tự do là sự phát triển tất yếu của sản xuất hàng hóa giản đơn
Điều kiện ra đời: Khi lao động thủ công được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc; năng suất lao động xã hội và của cải XH phát triển nhanh chóng. Đây là tiền đề vật chất quyết định việc mở rộng quan hệ trao đổi sản phẩm.

- Những đặc trưng chủ yếu:
- Mọi nhu cầu của con người đều được thỏa mãn thông qua thị trường. Sản phẩm tăng, người sản xuất không nhất thiết sản xuất những sản phẩm mình tiêu dùng mà sản xuất theo nhu cầu của người khác để thu về nhiều lợi nhuận. nhu cầu của người sản xuất tương tự sẽ được các nhà sản xuất khác đáp ứng.
- Các DN hoàn toàn tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tự do cạnh tranh, không bị chính sách nhà nước tác động.
- Yếu tố sản xuất dần trở thành hàng hóa (vốn, đất đai, sức lao động trở thành hàng hóa)
- Nhà nước chủ yếu cung cấp dịch vụ công mà trọng tâm và quan trọng nhất là quốc phòng an ninh; ban hành các quy định về thể chế cho phép các thị trường phát triển mạnh mẽ. Nhà nước tồn tại với tư cách không phải chủ thể kinh doanh
Nền kinh tế dân tộc, mỗi quốc gia là một nền kinh tế có tính độc lập cao với cấu trúc tự tái sản xuất.

- KTTT tự do gắn liền với thời đại công nghiệp

+ Thứ ba: KTTT hiện đại

- Điều kiện ra đời: Sự hình thành thị trường quốc tế, phân công lao động và hợp tác lao động được thực hiện trên phạm vi quốc tế, KHCN trở thành LLSX trực tiếp, thế giới bước vào giai đoạn hình thành và phát triển KT tri thức
- Những đặc trưng chủ yếu:

Ngoài cá nhân và hộ gia đình, các hình thức DN truyền thống còn có sự xuất hiện của các tổ chức độ quyền

Khu vực hóa, toàn cầu hóa nền KT

Nền Kinh tế hỗn hợp

Sự hình thành khu vực kinh tế công

Sự xuất hiện và thống trị của công ty xuyên quốc gia

- Gắn với thời đại hậu Công nghiệp, kinh tế tri thức
- Sự kế tục tự nhiên của KTTT tự do

Câu 3: Bản chất, đặc trưng, ưu thế và các khuyết tật của cơ chế thị trường?

-1. Kinh tế thị trường: là Kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Sự hình thành và phát triển của KTTT gắn liền với quá trình xã hội hóa sản xuất- xã hội hóa cả lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, trong đó xã hội hóa LLSX đóng vai trò quyết định. Kinh tế thị trường là nền kinh tế mà trong đó người mua và người bán tác động với nhau theo quy luật cung cầu, giá trị để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ trên thị trường.

2 Bản chất KTTT:

Từ cách tiếp cận lịch sử: “Kinh tế thị trường là hệ thống các quan hệ kinh tế được quy định bởi trình độ xã hội hóa sản xuất; là kiểu tổ chức xã hội về lao động trong đó các yếu tố đầu vào và đầu ra đều là hàng hóa; các chủ thể kinh tế độc lập và lệ thuộc lẫn nhau, cạnh tranh và hợp tác với nhau vì mục tiêu giá trị gia tăng.

3 Đặc trưng của KTTT thuần túy:

- 1, Quan hệ giữa các chủ thể kinh tế mang hình thức tiền tệ thông qua trao đổi, mua bán (H-T-H’).
- 1, Quan hệ giữa các chủ thể kinh tế mang hình thức tiền tệ thông qua trao đổi, mua bán (H-T-H’).
- 2, Các nguồn lực đc phân bổ khách quan thông qua sự tác động của các quy luật thị trường: Giá trị, giá trị gia tăng, cạnh tranh, cung- cầu. Trong cơ chế thị trường, các quy luật tạo động lực cho các hoạt động kinh tế và cơ chế phân bổ nguồn lực
- 3, Động lực và mục tiêu của các chủ thể kinh tế là tối đa hóa lợi nhuận, nó chi phối hoạt động của các doanh nghiệp
- 4, Sự đa dạng hóa các hình thức sở hữu
- 5, Mở cửa và hội nhập kinh tế
- 6, Đặc trưng về văn hóa
- 7, Tự do hóa và dân chủ hóa XH (Biểu hiện là các doanh nghiệp, cá nhân đc tự do cạnh tranh trên thị trường)

4 Ưu điểm:

- Khai thác và phát huy hiệu quả kinh tế- xã hội
- Năng động và linh hoạt do tính cạnh tranh cao
- Phân bổ và sử dụng nguồn lực khách quan công bằng và hiệu quả hơn
- Khả năng ứng dụng thành tựu của KHCN, duy trì động lực mạnh mẽ cải tiến kỹ thuật, phát triển lực lượng sản xuất vì mục tiêu giá trị và lợi nhuận
- Loại bỏ nhanh chóng các nhân tố lạc hậu, không hiệu quả, khuyến khích các nhân tố tích cực hiệu quả
- Khả năng mở rộng không gian kinh tế xã hội lớn

5 Hạn chế:

- Tính không ổn định, mất cân đối, nguy cơ khủng hoảng kte
- Sự xuất hiện của độc quyền, đầu tư → Lợi ích nhóm kinh tế - chính trị
- Ngoại ứng

- Hàng hóa công cộng
- Thông tin không hoàn hảo
- Vấn đề xã hội và môi trường
- Bất bình đẳng thu nhập và mức sống (nước giàu và nghèo), bất bình đẳng XH

Câu 4: Những nhân tố quy định sự khác biệt của các mô hình KTTT?

- Kinh tế
 - Chính trị
 - Đặc điểm văn hóa, lịch sử.
 - Cơ cấu các chế độ sở hữu. Trong một cơ cấu đa dạng về sở hữu như thế, hình thức sở hữu nào giữ vai trò chủ đạo sẽ tạo nên sự khác biệt về mục đích phát triển của kinh tế thị trường, mục đích can thiệp của nhà nước, cũng như sự khác biệt về địa vị của các chủ thể kinh tế.
 - Bản chất giai cấp của nhà nước. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, sự quản lý, điều tiết của chính phủ đối với kinh tế thị trường để khắc phục những khuyết tật của thị trường là hoàn toàn cần thiết. Tuy nhiên, mỗi nhà nước có những đặc thù riêng về bản chất giai cấp, cơ cấu quyền lực, lịch sử hình thành... Với tư cách là sự tác động trở lại của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng, nhà nước có thể làm cho quan hệ kinh tế thay đổi theo những cách thức, mục đích riêng.
- Trong chủ nghĩa tư bản, sự điều tiết nền kinh tế của nhà nước trước hết là vì lợi ích của giai cấp tư sản. Ở những nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhà nước là của dân nên sự quản lý, điều tiết của nhà nước nhằm phục vụ lợi ích của quảng đại quần chúng nhân dân.
- Điều kiện kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia sẽ làm cho nền kinh tế thị trường của mỗi quốc gia có những nét riêng. Trong thực tế, nền kinh tế thị trường bao giờ cũng gắn với một chế độ xã hội cụ thể. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội mà mỗi quốc gia, dân tộc đạt được để lại những dấu ấn riêng trong các mô hình kinh tế thị trường của mình. Các mô hình kinh tế thị trường của Nhật Bản, kinh tế thị trường xã hội của Cộng hòa liên bang Đức, kinh tế thị trường của Mỹ, kinh tế thị trường của các nước Bắc Âu, kinh tế thị trường của các “con rồng” Châu Á đều có những điểm khác biệt, mặc dù các nước này đều phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa.
 - Đặc điểm văn hoá. So sánh Mỹ, Nhật Bản và nền kinh tế thị trường các Con Rồng Châu Á

Câu 5: Tác động của KTTT trong sự nghiệp xây dựng CNXH?

Kinh tế thị trường vừa sản phẩm của xã hội hoá sản xuất, vừa là phương tiện để thực hiện xã hội hoá. Chủ nghĩa xã hội theo quan niệm của C.Mác và Ph.Ăngghen dựa trên nền sản xuất xã hội hoá cao. Như thế, chẳng những kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội không không mâu thuẫn với nhau, mà kinh tế thị trường chính là phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Tích cực:

+KTTT tạo ra năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đó là cơ sở để cải thiện, nâng cao đời sống của dân cư. CNXH là xã hội vì con người. Mục tiêu của CNXH là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân. Vì vậy chúng ta thấy là KTTT và CNXH có nét tương đồng

→ KTTT trở thành phương tiện, công cụ để thực hiện mục tiêu CNXH. Cho đến hiện nay thì chưa có công cụ nào tốt hơn. Vì vậy muốn phát triển CNXH phải phát triển KTTT. Thực tế ở VN, TQ đã cho thấy điều đó. Áp dụng cơ chế quản lý hành chính bao cấp không hiệu quả, đời sống người dân vô cùng khó khăn, không có CNXH. Từ ngày VN và TQ áp dụng KTTT thì những thành tựu

trên con đường xd CNXH đã đạt được rất nhiều. KTTT có vai trò rất to lớn trong công cuộc xd CNXH

- Tiêu cực:

- + Do những khuyết tật của KTTT (phát triển không ổn định, hàng hóa công, độc quyền, ngoại ứng, thiếu thông tin, tham nhũng, bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo,...) → tác động xấu tới quá trình xây dựng CNXH, làm cho nó mất nhiều thời gian hơn, cái giá phải trả đắt hơn
- + Đòi hỏi sự can thiệp của nhà nước hạn chế những tác động xấu
- + Phân tích sâu phân tham nhũng. KTTT đẩy tham nhũng tới mức cao. Chế độ nào cũng có tham nhũng nhưng chưa ở đâu, chưa bao giờ tham nhũng lại nghiêm trọng như trong cơ chế thị trường. (Đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi). Khi KTTT đã phát triển rồi

Câu 6: Những nhân tố ảnh hưởng và những đặc trưng chủ yếu của mô hình KTTT VN?

- Nhân tố: Kinh tế, chính trị, lịch sử, văn hóa

6.1. Kinh tế

Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường từ điểm xuất phát rất thấp: sản xuất nhỏ là phổ biến; nông nghiệp là ngành kinh tế chủ yếu; sản xuất mang tính khép kín... Do đó, mô hình kinh tế thị trường Việt Nam còn mang đậm dấu ấn kinh tế đó: chất lượng sản phẩm thấp; dịch vụ kém phát triển...

Hơn nữa, Việt Nam chuyển sang kinh tế thị trường từ cơ chế quản lý kinh tế kế hoạch hoá tập trung, hành chính, bao cấp nên dấu ấn của cơ chế quản lý kinh tế này: kinh tế nhà nước chiếm tỷ trọng lớn; hoạt động điều hành kinh tế vẫn mang nặng tính chủ quan, duy ý chí... không dễ gì được khắc phục triệt để.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và thế giới là tất yếu với các quốc gia. Đây là cơ hội cho Việt Nam có thể phát triển nhanh chóng nền kinh tế thị trường của mình. Việt Nam có thể phát triển kinh tế thị trường rút ngắn, gắn liền với phát triển kinh tế tri thức.

6.2. Chính trị

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế thị trường được sử dụng để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Do đó, sự vận động, phát triển của nền kinh tế thị trường này bị chi phối bởi việc thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Điều này xuất phát từ mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị. Mặc dù kinh tế quyết định chính trị nhưng chính trị lại tác động mạnh mẽ đến kinh tế. Nếu các quyết sách của nhà nước (chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách...) được thực hiện trong thời gian dài sẽ làm cho nền kinh tế biến đổi tích cực (nếu quyết sách đúng) hoặc tiêu cực (nếu quyết sách sai). Như vậy, đường lối phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa sẽ làm cho nền kinh tế thị trường ở Việt Nam khác với các nước khác.

"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Để thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội, Đảng và Nhà phải sử dụng các công cụ vật chất. Một trong những công cụ đó là kinh tế nhà nước. Do vậy, sở hữu nhà nước (một hình thức của chế độ sở hữu công cộng) có vai trò rất quan trọng trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều này cũng không có khác biệt lớn với sở hữu nhà nước ở nhiều nước khác.

Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" còn đòi hỏi người phải được tự do sử dụng và phát huy các tiềm năng của mình. Nói cách khác, người dân phải được

tự do kinh doanh những gì luật pháp không cấm. Vì thế, sự tồn tại và phát triển của những hình thức sở hữu như cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân, tư bản tập thể... là tất yếu và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Như vậy, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải dựa trên nhiều hình thức sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước là chủ đạo.

Sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường là tất yếu. Bản chất của nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Do đó, sự can thiệp của nhà nước ta vào nền kinh tế là vì lợi ích của toàn dân. Điều đó sẽ làm cho nền kinh tế thị trường Việt Nam khác biệt so với các nước khác.

6.3. Văn hoá

Tuy nhiên, văn hóa có tính độc lập tương đối và có khả năng tác động mạnh mẽ trở lại sự phát triển kinh tế - xã hội. Vấn đề là mỗi nền văn hóa cụ thể đều có những đặc trưng riêng biệt và ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế- xã hội của mỗi nước ở những mức độ khác nhau, góp phần làm nên tính đặc thù của các mô hình kinh tế.

*** Những đặc trưng chủ yếu của mô hình kinh tế thị trường Việt Nam**

- Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

1. Mục tiêu phát triển

Chủ nghĩa xã hội có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Chúng tôi cho rằng, chủ nghĩa xã hội phải dựa trên trình độ xã hội hoá cao của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đó chính là mục tiêu của phát triển kinh tế thị trường ở nước ta.

2.3.2. Đặc trưng về lực lượng sản xuất

Việt Nam, một nước chậm phát triển, bắt tay vào xây dựng nền KTTT định hướng XHCN, khi mà nhiều quốc gia đang nằm ở đỉnh cao của sự phát triển LLSX. Việc xác định đúng đắn đặc trưng LLSX trong nền KTTT định hướng XHCN lại có ý nghĩa rất quan trọng đối với chiến lược xây dựng và phát triển LLSX ở Việt Nam.

Kết cấu của nền kinh tế vừa phải dựa vào những tiềm năng vốn có của từng vùng, từng địa phương và của đất nước. Mỗi vùng kinh tế của Việt Nam đều có tiềm năng, thế mạnh riêng. Kết cấu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thể hiện và phát huy được những tiềm năng, thế mạnh đó.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải là nền kinh tế có năng suất, hiệu quả cao, sức cạnh tranh mạnh. Do đó, nền kinh tế phải có kết cấu hiện đại. Những ngành kinh tế có hàm lượng khoa học cao: công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng... từng bước phát triển và trở thành nòng cốt của nền kinh tế. Kết cấu hạ tầng của nền kinh tế: đường sá, cầu cống, sân bay, bến cảng... được xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại.

2.3.3. Sở hữu tư liệu sản xuất

Trong điều kiện lực lượng sản xuất thấp kém, chế độ sở hữu công cộng chưa có cơ sở kinh tế chắc chắn để tồn tại và phát triển. Bởi vậy, khi nền kinh tế thị trường còn ở trình độ thấp, kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể càng chiếm tỷ trọng lớn sẽ càng kém hiệu quả. Vì thế, chỉ nên thiết lập sở hữu công cộng ở các lĩnh vực kinh tế then chốt, giữ vai trò quan trọng với quốc kế, dân sinh. Các lĩnh vực kinh tế then chốt có thể là: lương thực, thuốc chữa bệnh, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, đường sắt, hàng không, điện lực, khai thác mỏ...

Mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" còn đòi hỏi người dân phải được tự do sử dụng và phát huy các tiềm năng của mình. Nói cách khác, người dân phải được tự do kinh doanh những gì luật pháp không cấm. Vì thế, sự tồn tại và phát triển của những hình thức sở hữu như cá thể, tiểu chủ; tư bản tư nhân, tư bản tập thể... là tất yếu và cần thiết cho việc thực hiện mục tiêu chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện lực lượng sản xuất còn thấp kém, các hình thức sở hữu tư nhân vẫn có những đóng góp to lớn cho việc phát triển sản xuất, cải thiện và nâng cao đời sống dân cư.

Do lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, trong các lĩnh vực kinh tế thông thường, kinh tế tư nhân phải giữ vai trò thống trị mới đảm bảo hiệu quả (đương nhiên là nhà nước phải quản lý). Trong các lĩnh vực này, sở hữu công cộng muốn chứng minh được sức sống và ưu thế của mình phải dựa trên quan hệ cạnh tranh trên thị trường một cách công bằng, chứ không phải là dựa vào sự hỗ trợ của nhà nước, càng không phải là bằng biện pháp hành chính.

2.3.4. Phương thức vận hành và quản lý nền kinh tế

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết là nền kinh tế thị trường nên phải vận hành theo cơ chế thị trường.

Tuy nhiên, cơ chế thị trường cũng có không ít khuyết tật, thất bại. Bởi vậy, sự can thiệp của nhà nước để hạn chế khắc phục các khuyết tật này là rất cần thiết. Nhưng sự can thiệp của nhà nước lại mang tính chủ quan nên có thể phạm phải sai lầm. Vì thế, sự can thiệp của nhà nước cũng phải xuất phát từ các quy luật kinh tế khách quan, phải tương hợp với thị trường.

Hội nhập quốc tế là tất yếu nhưng hội nhập không chỉ có các cơ hội, mà còn có không ít thách thức. Nhà nước phải làm tất cả những gì có thể để tận dụng các cơ hội, vượt qua các thách thức. Để thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước không phải chỉ khắc phục các khuyết tật của kinh tế thị trường, mà còn phải thực hiện các mục tiêu, yêu cầu mà định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi.

2.3.5. Đặc trưng về phân phối

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết là nền kinh tế thị trường nên phải thực hiện phân phối theo các nguyên tắc của cơ chế thị trường. Nguyên tắc phân phối của cơ chế thị trường là phân phối thu nhập theo quy mô và hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Chủ thể nào đóng góp các nguồn lực càng lớn, sử dụng các nguồn lực càng hiệu quả, được phân phối thu nhập càng cao.

Chính sách phân phối thu nhập cũng phải tương hợp với nguyên tắc của cơ chế thị trường, tránh bình quân, cào bằng.

2.3.6. Đặc trưng về động lực, nguồn lực phát triển

Động lực phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trước hết phải là động lực của kinh tế thị trường. Đó là giá trị gia tăng. Còn định hướng xã hội chủ nghĩa lại đòi hỏi phải có thêm động lực khác. Đó là lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Chính mục tiêu cao đẹp của

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và sự hài hoà về lợi ích của các chủ thể kinh tế góp phần tạo động lực cho sự phát triển.

Nguồn lực để phát triển bao gồm nguồn lực trong nước và nước ngoài. Nguồn lực trong nước dựa vào nền kinh tế dựa trên nhiều hình thức sở hữu và thành phần kinh tế làm cơ sở kinh tế để phát triển; trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong các lĩnh vực kinh tế then chốt. Điều đó đòi hỏi trong quá trình cơ cấu lại các thành phần kinh tế, chính phủ vừa phải quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế đều phát triển; vừa phải chăm lo củng cố, phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể.

Nguồn lực bên ngoài bao gồm vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý... Khai thác, sử dụng được nguồn lực này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi các nguồn lực bên trong còn hạn hẹp. Tuy nhiên, mặt trái của việc sử dụng những nguồn lực đó cũng không nhỏ. Để khai thác sử dụng được nguồn lực này, nhà nước có vai trò quan trọng.

2.3.7. Đặc trưng văn hoá

Lịch sử đã hun đúc nên bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam. Trước hết, đó là truyền thống coi trọng đạo lý, coi trọng chữ tín. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chữ tín trong kinh doanh phải đặc biệt được coi trọng.

Người Việt Nam còn có truyền thống “thương người như thể thương thân”, “lá lành đùm lá rách”. Tuy nhiên, văn hoá truyền thống cũng có những khía cạnh không phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường. Đó là việc coi nhẹ (thậm chí coi khinh) hoạt động buôn bán; tư tưởng cào bằng, bình quân chủ nghĩa (xấu đều hơn tốt lỗi); thiếu tinh thần kỷ luật, ý thức chấp hành pháp luật kém (phép vua thua lệ làng)... Đây là những hạn chế cần được xoá bỏ trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

KẾT LUẬN: nên có Những đặc trưng trên đây cho thấy, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam vừa có cái chung như nhiều mô hình khác; đồng thời có không ít cái đặc thù. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải chú ý cả cái chung, cả cái đặc thù.

Câu 7: Các mô hình phát triển KTTT rút ngắn trên thế giới? Những điều kiện phát triển KTTT rút ngắn và khả năng phát triển KTTT rút ngắn ở VN?

- Nhật Bản: Mô hình rút ngắn cổ điển

Thành công của Nhật Bản xuất phát từ những lý do sau:

- Tận dụng được lợi thế của nước đi sau để rút ngắn thời gian, tăng tốc đuổi kịp và vượt các nước phát triển tuần tự. Nhật Bản đã học tập được kinh nghiệm thành công, tránh được những thất bại, kế thừa được những thành tựu của các nước đi trước.
- Nhật Bản đã vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm nước ngoài, phù hợp với điều kiện và truyền thống dân tộc. Các giá trị Phương Tây được tiếp thu và được Nhật Bản hoá.
- Nhật Bản xây dựng được một nhà nước thông minh, chủ động tạo dựng môi trường thể chế thuận lợi, kịp thời hiệu chỉnh, bổ sung và can thiệp khi nền kinh tế có những mất cân đối; đề ra các định hướng phát triển kết hợp với việc vận dụng linh hoạt, mềm dẻo hệ thống các chính sách, cơ chế và công cụ điều tiết.
- Thực hiện nhất quán chiến lược mở cửa, hội nhập để tranh thủ các nguồn ngoại lực vào phục vụ cho phát triển đất nước.

- Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kong, Singapore,... là mô hình rút ngắn hiện đại

Các nước, các lãnh thổ công nghiệp mới (NICs, NIEs) Châu Á (Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông) thực hiện thành công mô hình “rút ngắn hiện đại”. Một mặt, mô hình hội tụ được ưu điểm của con đường phát triển rút ngắn cổ điển nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế thị trường với sự điều tiết mạnh và "thông minh" của nhà nước. Mặt khác, có sự khác biệt cơ bản so với mô hình phát triển rút ngắn cổ điển ở mức độ sử dụng tư bản nước ngoài và độ mở cửa nền kinh tế.

Nếu như Nhật Bản đã tiến hành công nghiệp hoá từ lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng mô hình kinh tế thị trường theo kiểu phương Tây thì các nước, lãnh thổ công nghiệp mới tiến hành công nghiệp hoá bằng cách ngay từ đầu dựa vào ngoại lực (thu hút vốn, công nghệ nước ngoài, chủ yếu của Hoa Kỳ và Nhật Bản) và xây dựng mô hình kinh tế thị trường đặc thù hướng ngoại (hướng về xuất khẩu). Điều này chỉ có thể thực hiện dựa vào các tiền đề:

- Lợi dụng xu hướng của thời đại là toàn cầu hóa sản xuất và đầu tư thông qua vai trò các công ty xuyên quốc gia.

- Phát huy vai trò tích cực của nhà nước trong việc tạo ra những điều kiện bên trong thuận lợi để tận dụng các cơ hội đầu tư bên ngoài; nền kinh tế được điều hành bởi một nhà nước thông minh nhờ đó mà việc hội nhập có lộ trình, bước đi hợp lý.

- Ngay từ đầu kết hợp tốt giữa “bàn tay hữu hình” với “bàn tay vô hình” nhằm khắc phục khuyết tật của thị trường và hình thành đồng bộ thể chế kinh tế thị trường hiện đại.

Mô hình phát triển kinh tế thị trường rút ngắn-đúng như tên gọi-chỉ rút ngắn thời gian thực hiện các trật tự tiến hoá, mà không bỏ qua những bước tuần tự. Hay nói khác đi, đây là mô hình có sự kết hợp hài hoà giữa phát triển tuần tự và phát triển nhảy vọt.

- **Những điều kiện:** + Bối cảnh bên ngoài là KTTT đã phát triển tới trình độ nhất định

- + Môi trường quốc tế hòa bình, ổn định một cách tương đối

- + Mở cửa hội nhập. Phù hợp, hạn chế được những tác động tiêu cực, tranh thủ và tận dụng các tác động tích cực từ bên ngoài.

- + Vai trò chủ quan của nhà nước: Có chiến lược mở cửa hội nhập đúng đắn. Nhà nước, người dân phải nhận thức được quy luật vận động, phát triển tất yếu của KTTT; có đủ năng lực và quyết tâm để tạo dựng, thúc đẩy và điều tiết nền KTTT

- +Thêm....

- **VN hoàn toàn có thể phát triển KTTT rút ngắn bởi phù hợp với những điều kiện trên**

Câu 8: Phát triển bền vững là gì? VN cần làm gì để phát triển KTTT theo hướng bền vững?

* Khái niệm: Phát triển bền vững là "sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai..." 1. Nói cách khác, phát triển bền vững phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, xã hội công bằng và môi trường được bảo vệ, gìn giữ. Để đạt được điều này, tất cả các thành phần kinh tế - xã hội, nhà cầm quyền, các tổ chức xã hội... phải bắt tay nhau thực hiện nhằm mục đích dung hòa 3 lĩnh vực chính: kinh tế - xã hội - môi trường.

* **VN cần làm gì để phát triển KTTT theo hướng bền vững**

Giải quyết 3 vấn đề: Về kinh tế, xã hội và môi trường. Ở VN có sự lãnh đạo của ĐCS VN, sự quản lí của nhà nước. VN hoàn toàn có thể khắc phục được những mặt trái của KTTT, để phát triển kinh tế tương đối cao và ổn định, giải quyết vấn đề xã hội và môi trường để phát triển bền vững.

Để đưa nền kinh tế phát triển thịnh vượng đi đôi với bền vững môi trường và hòa nhập xã hội trong thời gian tới, Việt Nam cần phải tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh, bền vững, tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng 4.0.

- Nguy cơ mắc bẫy thu nhập trung bình nếu không tìm động lực mới

- Giải pháp đồng bộ để thu hút và sử dụng tốt nguồn lực

Để đạt được mục tiêu kinh tế phát triển thịnh vượng, bền vững môi trường và hoà nhập xã hội, Việt Nam cần tập trung thực hiện một số các giải pháp đồng bộ.

Thứ nhất, cần tiếp tục tập trung cải cách thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách và môi trường, tạo điều kiện thuận lợi, an toàn để kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, thông suốt, hiệu quả; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, tự do sáng tạo của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển theo cơ chế thị trường. và theo nguyên tắc quy định tại Luật Quy hoạch. Cần chấm dứt việc xây dựng các quy hoạch về đầu tư phát triển hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm cụ thể, ấn định khối lượng, số lượng hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm được sản xuất, tiêu dùng, làm hạn chế sự tham gia thị trường các thành phần kinh tế.

Thứ hai, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thuận lợi, hấp dẫn để thu hút nguồn lực từ xã hội, dân cư và đầu tư trực tiếp nước ngoài, nguồn lực nhà nước mang tính dẫn dắt, định hướng. Trong đó, một mặt cần đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn đầu tư ngoài ngành, thoái phần vốn nhà nước trong các doanh nghiệp Nhà nước không cần nắm giữ. Đồng thời, cần phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Thể chế hoá đầy đủ và bảo đảm thực hiện nghiêm minh quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và sở hữu trí tuệ. Xoá bỏ các rào cản, các biện pháp hành chính can thiệp trực tiếp vào thị trường và sản xuất kinh doanh tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực xã hội, trọng tâm là vốn, đất đai, khoáng sản, cơ hội kinh doanh, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của kinh tế tư nhân.

Về vấn đề thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài (FDI), cần chuẩn bị tốt các điều kiện để thu hút, nâng cao hiệu quả FDI, phục vụ tái cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng. Có chính sách ưu tiên thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với các dự án đầu tư có công nghệ cao, các công ty đa quốc gia lớn, gắn với yêu cầu chuyển giao và lan toả rộng rãi công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp của tư nhân trong nước

Thứ ba, cần phát triển năng lực đổi mới, sáng tạo, trong đó trước tiên là đổi mới hệ thống sáng tạo quốc gia, lấy doanh nghiệp và các định chế Nghiên cứu và Phát triển (R &D) làm trung tâm, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, kết nối doanh nghiệp, ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư. Đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường công nghệ. Ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0; thúc đẩy sản xuất thông minh (tập trung trong nông nghiệp, du lịch, công nghệ thông tin) và xây dựng đô thị thông minh. Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về phát triển nhân lực, cải tổ hệ thống giáo dục đại học và đào tạo nghề.

Thứ tư, cần phát huy các cực tăng trưởng, nâng cao hiệu quả kinh tế vùng và đô thị.

Cần xây dựng các quy hoạch vùng theo hướng tích hợp, đa ngành, phù hợp với kinh tế thị trường; lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển vùng. Nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng tài nguyên, bảo đảm công khai, minh bạch. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương; tạo không gian phát triển thống nhất trong vùng và cả nước; khắc phục tình trạng phát triển trùng lặp, manh mún, kém hiệu quả.

Cần tận dụng đô thị hóa để đẩy mạnh hiện đại hóa và công nghiệp hóa. Định hình lại chính sách và đầu tư để phát huy mật độ kinh tế xung quanh các vùng đô thị lớn và các đô thị thứ cấp có tiềm năng; giảm phân biệt xã hội về tiếp cận dịch vụ giữa người nhập cư và cư dân đô thị.

Thứ 5, đi đôi với phát triển kinh tế, cần bảo đảm công bằng và hòa nhập xã hội

Trong đó, trước tiên cần thay đổi vai trò của Nhà nước trong cung cấp dịch vụ công. Cần thực hiện cơ chế thị trường và đẩy mạnh xã hội hoá đối với cung cấp các dịch vụ công. Chuyển từ cơ chế cấp phát sang đặt hàng và từ cấp kinh phí cho các đơn vị cung ứng sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng.

Cần đổi mới chính sách xã hội phù hợp với thay đổi cấu trúc dân số khi tỷ lệ người nghèo còn rất thấp, tầng lớp trung lưu tăng nhanh và già hóa dân số. Đảm bảo bình đẳng về cơ hội phát triển cho tất cả mọi người, đặc biệt là nhóm người yếu thế. Thúc đẩy phát triển và đáp ứng nhu cầu của tầng lớp trung lưu vì sự thịnh vượng chung.

Thứ 6, cần phát triển bền vững về môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

Cần nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Tăng cường khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, kể cả từ các nhà tài trợ quốc tế.

Đảm bảo bền vững môi trường bao gồm bảo vệ chất lượng không khí, đất và nước; lồng ghép khả năng chống chịu trước tác động khí hậu vào kế hoạch kinh tế, chính sách ngành và đầu tư hạ tầng; quan tâm đến các nguồn năng lượng sạch. Hướng đến đầu tư “thông minh” (với sự tham gia của khu vực tư nhân) nhằm tính đầy đủ các phí tổn về khí hậu và môi trường.

Câu 9: Các mqh chủ yếu cần giải quyết trong quá trình phát triển kttv VN:

1. QH giữa đổi mới KT và đổi mới chính trị

1.1. Đổi mới KT và đổi mới chính trị

– Đổi mới KT

- Chuyển đổi từ nền KT đơn thành phần sang đa thành phần
- Chuyển đổi cơ chế quản lý KT hành chính – bao cấp sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước

– Đổi mới chính trị

- Đổi mới chức năng thể chế chính trị (đặc biệt là nhà nước)
- Đổi mới bộ máy tổ chức
- Đổi mới phong cách, phương thức lãnh đạo, điều hành

Mục tiêu: đáp ứng yêu cầu phát triển KTTT và phát triển đất nước

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ đổi mới KT và đổi mới chính trị

– Sức ép thực tiễn phát triển KT – XH

- Nhận thức của lãnh đạo, nhân viên trong bộ máy nhà nước
- Bối cảnh quốc tế
- Năng lực tổ chức thực hiện

1.3. Giải quyết quan hệ đổi mới KT và đổi mới chính trị

- “Kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới KT với đổi mới chính trị, lấy đổi mới KT trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Phát huy dân chủ, khắc phục những hiện tượng vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời chống mọi khuynh hướng dân chủ cực đoan, quá khích, mọi âm mưu lợi dụng chiêu bài “dân chủ”, “nhân quyền” nhằm gây rối chính trị, chống phá chế độ, can thiệp vào nội bộ của ta”

1.4. Một số nhận xét

- Ưu điểm
 - Nhận thức đúng đắn
 - Có những thay đổi tích cực
- Hạn chế
 - Trong thực tế đổi mới chính trị diễn ra rất chậm, ảnh hưởng xấu đến đổi mới KT
 - Còn vi phạm quyền lợi công dân; vi phạm tự do, dân chủ của ng dân

2. Quan hệ giữa nhà nước và thị trường

2.1. Những ưu việt và khuyết tật của nhà nước, thị trường

- Những ưu việt và khuyết tật của thị trường
- Những ưu việt và khuyết tật của nhà nước

Kết hợp nhà nước và thị trường

2.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến QH giữa nhà nước và thị trường

- Trình độ phát triển KTTT ở mỗi QG
- Lịch sử, VH
- Nhận thức của lãnh đạo, nhân viên trong bộ máy nhà nước
- Mức độ chi phối của các nhóm lợi ích
- Mức độ hội nhập QT

2.3. Giải quyết QH giữa nhà nước và thị trường ở VN

- Tăng uyên tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở; giảm dần can thiệp trực tiếp của nhà nước
- Chuyển từ KHHTT, mệnh lệnh sang kế hoạch hóa định hướng
- Phát triển KT nhiều thành phần, thực hiện bình đẳng giữa các thành phần KT
- Tôn trọng các quy luật thị trường trong các chiến lược, kế hoạch pt KT – XH

2.4. Một số nhận xét

- Ưu điểm
 - Vai trò của Nhà nước được điều chỉnh phù hợp hơn với cơ chế thị trường, ngày càng phát huy dân chủ trong đời sống KT-XH
 - Việc huy động và phân bổ các nguồn lực gắn với chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH đã từng bước phù hợp với cơ chế thị trường
 - Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh
- Hạn chế

- Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước chưa cao; kỷ luật, kỷ cương k nghiêm
 - Nhà nước còn can thiệp trực tiếp, quá lớn trong nền KT. Vẫn còn tình trạng bao cấp, xin-cho trong XD và thực hiện một số cơ chế, chính sách
 - Sự tham gia giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- XH và nhân dân trong hoạt động quản lý nhà nước còn hạn chế.
- Nguyên nhân bất cập
- Lợi ích của lãnh đạo, nhân dân bộ máy công quyền
 - Tư duy hành chính – bao cấp vẫn tồn tại
 - Quan trị

3. Quan hệ giữa KT nhà nước và KT tư nhân

3.1. Những ưu điểm và hạn chế của KT nhà nước và tư nhân

- Những ưu điểm và hạn chế của KT nhà nước
- Những ưu điểm và hạn chế của KT tư nhân
- => kết hợp KT nhà nước và tư nhân

3.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ giữa KT nhà nước và tư nhân

- Định hướng phát triển
- Xuất phát điểm
- Nhận thức của lãnh đạo, nhân viên bộ máy nhà nước
- Thực tiễn đất nước
- Bối cảnh quốc tế
- Mức độ hội nhập

3.3. Giải quyết QH giữa KT nhà nước và KT tư nhân

- “Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại DN nhà nước theo hướng: DN nhà nước tập trung vào những lĩnh vực then chốt, thiết yếu, những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh, những lĩnh vực mà DN thuộc các thành phần KT khác không đầu tư.
- Đẩy mạnh cổ phần hóa, bán vốn tại những DN mà nhà nước k cần nắm hoặc k cần giữ cổ phần chi phối, kể cả những DN đang kinh doanh có hiệu quả. Hoàn thiện thể chế định giá đất đai, tài sản hữu hình và tài sản vô hình (tài sản trí tuệ, thương hiệu,...) trong cổ phần hóa theo nguyên tắc thị trường”
- “hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh KT tư nhân ở hầu hết các ngành và lĩnh vực KT, trở thành một động lực quan trọng trong nền KT
- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển DN nhỏ và vừa, DN khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn KT tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn KT nhà nước
- Tiếp tục thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài, chú trọng chuyển giao CN, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm
- Chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với DN trong nước
- Tăng cường liên kết giữa DN có vốn FDI với DN trong nước nhằm phát triển CN hỗ trợ và CN quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị KV và toàn cầu.

3.4. một số nhận xét

- Ưu điểm
 - Từng bước phù hợp với yêu cầu phát triển của KTTT
- Hạn chế
 - Nhận thức đi sau thực tiễn
 - Năng lực hành động yếu kém
- Nguyên nhân yếu kém
 - Mặt trái của KT tư nhân rất lớn
 - Lợi ích của lãnh đạo, nhân viên bộ máy nhà nước
 - Năng lực nhận thức và hành động

4. QH giữa KTTT và định hướng XHCN

4.1. Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa KTTT và định hướng XHCN

- KTTT
- Định hướng XHCN
- Sự thống nhất giữa KTTT và định hướng XHCN
- Sự mâu thuẫn giữa KTTT và định hướng XHCN

4.2.. Những nhân tố ảnh hưởng đến QH giữa KTTT và định hướng XHCN

- Nhận thức lý luận
- Năng lực hành động
- Bối cảnh trong nước
- Bối cảnh QT

4.3. Giải quyết QH giữa KTTT và định hướng XHCN

- Nền KTTT định hướng XHCN VN là nền KT vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.
- Đó là nền KTTT hiện đại và hội nhập QT với sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng Cộng sản VN lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”
- Nền KTTT định hướng XHCN VN có QH SX tiên bộ phù hợp với trình độ phát triển của LLSX
- Có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần KT, trong đó KT nhà nước giữ vai trò chủ đạo, KT tư nhân là một động lực quan trọng của nền KT
- Các chủ thể thuộc các thành phần KT bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật
- Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức lực
- Các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch kế hoạch phù hợp với cơ chế TT

4.4. Một số nhận xét

- Thành tựu
 - KTTT phát triển ổn định
 - Ít có vấn đề XH
- Hạn chế
 - KTTT và định hướng XHCN thường bị tách rời
 - KTTT được quan tâm, định hướng XHCN bị coi nhẹ

- Nguyên nhân hạn chế
 - Nhận thức
 - Lợi ích
 - Năng lực hành động

5. QH giữa XD nền KT độc lập tự chủ và hội nhập QT

5.1. Sự thống nhất và mâu thuẫn giữa nền KT độc lập tự chủ và hội nhập QT

- Quan niệm về độc lập tự chủ về KT
- Quan niệm về hội nhập quốc tế
- Sự thống nhất giữa độc lập tự chủ về KT và hội nhập QT
- Sự mâu thuẫn giữa độc lập tự chủ về KT và hội nhập QT

5.2. những nhân tố ảnh hưởng đến QH giữa độc lập tự chủ về KT và hội nhập QT

- Bối cảnh QT
- Năng lực QG
- Năng lực lãnh đạo, điều hành

5.3. Giải quyết QH giữa XD nền KT độc lập tự chủ và hội nhập QT VN

- Nghiên cứu, đàm phán, ký kết, chuẩn bị kỹ các điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, tham gia các điều ước quốc tế trong lĩnh vực KT, thương mại, đầu tư,...
- Chủ động, tích cực hội nhập KTQT, đa dạng hóa, đa phương hóa QH KTQT, tránh lệ thuộc vào 1 thị trường, 1 đối tác cụ thể
- Kết hợp hiệu quả ngoại lực và nội lực, gắn hội nhập KTQT với XD nền KT độc lập, tự chủ
- Biện pháp can thiệp phù hợp trong từng giai đoạn: các chính sách KT XH

5.4. Một số nhận xét

- Thành tựu
 - VN hội nhập ngày càng sâu rộng nhưng vẫn giữ được chủ động về mục tiêu và con đường phát triển
 - Hội nhập QT góp phần quan trọng phát triển đất nước
- Hạn chế
 - Chưa tận dụng được những tác động tích cực nhất từ bên ngoài
 - Còn chịu những tác động xấu về VH, XH, MT,...

Câu 10: thành công và hạn chế trong giải quyết các mqh lớn đó;

2018: mục tiêu VN được công nhận kinh tế thị trường đầy đủ chưa hoàn thành

Câu 11: Ảnh hưởng của việc giải quyết các mối quan hệ lớn đến phát triển KTTT ở VN:

1. Những ảnh hưởng tích cực

- Các MQH mang tính khách quan. Như quan tâm giải quyết các MQH hạn chế được các mặt trái của chúng
- Chủ động, phân bổ các nguồn lực

2. Những ảnh hưởng tiêu cực

- Ảnh hưởng k tốt đến phát triển KTTT VN
- Ảnh hưởng xấu đến hiệu quả sử dụng nguồn lực

Câu 12: Vai trò nhà nước trong phát triển KTTT ở nước ta. NN cần được xd ntn để thực hiện vai trò đó?

5 vai trò chức năng của nhà nước :

- Tạo lập môi trường
- Khắc phục khuyết tật
- Định hướng, điều tiết
- Bảo vệ hỗ trợ
- Điều tra kiểm soát

Nhà nước cần được xây dựng:

- Theo định hướng: nhà nước kiến tạo của dân, do dân và vì dân
Tìm người vào bộ máy nhà nước người có đủ tiêu chuẩn, có đức có tài, có tâm có tầm và trong sạch, người trong bộ máy phải chịu trách nhiệm cho đến cùng
Và người đó phải là người chịu trách nhiệm đến cùng việc mình làm-→ xây dựng bộ máy nhà nước phù hợp với chức năng-→ xây dựng chức năng nhà nước trong KTTT

Câu 13: giải pháp đẩy nhanh quá trình xd nền KTTT hiện đại ở nước ta:

- Tạo lập MT thuận lợi cho pt KTTT
 - Vai trò của nhà nước
 - Hoàn thiện mt pháp luật theo hướng hội nhập : tuân theo luật chung của TG khi hội nhập
 - Giữ vững ổn định chính trị -XH
 - Xây dựng MT VH-GD
 - Tạo lập mt KT cho Dn hoạt động hiệu quả
 - Củng cố, mở rộng QH hợp tác hữu nghị với các nước
- Đẩy mạnh cải cách hành chính
 - Về thể chế hành chính : thể chế hành chính phải phục vụ cho sự phát triển rút ngắn và bền vững của nền KTTT. Bộ máy hành chính phải gọn nhẹ, năng động, hiệu quả
 - Về bộ máy hành chính : Nguyên tắc, cấu trúc lại bộ máy hành chính là vừa phải thực hiện chức năng quản lý nhà nước, vừa phải cung ứng tốt nhất dịch vụ hành chính
 - Về XD đội ngũ công chức nhà nước : thể chế và bộ máy hành chính mới đòi hỏi đội ngũ công chức nhà nước phải chuyên nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp
 - Về quản lý tài chính công : cần phải xác định rõ và thực hiện nguyên tắc, chỉ tiêu ngân sách cho việc thực hiện các chức năng của nhà nước
- Đẩy mạnh cải cách DNNN, XD cơ cấu thành phần KT theo định hướng thị trường
 - Xác định lại vai trò DNNN
 - Tạo lập mt cạnh tranh bình đẳng cho các DN thuộc mọi thành phần KT
 - Giải quyết hợp lý MQH giữa các vấn đề KT với các
- Tăng cường hội nhập kinh tế vào kinh tế thế giới

Câu 14: Các giải pháp tiếp cận, thực hiện CMCN 4.0:

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng
- Phát triển nguồn nhân lực:

- Sd nguồn nhân lực toàn XH tận dụng mọi hình thức giáo dục
 - Đào tạo gắn với sử dụng
 - Kết hợp trao đổi nguồn nhân lực
 - Điều chỉnh cơ cấu sao cho phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành
 - Cơ cấu lđ xh phải chuyển dịch theo hướng giảm cả mức tuyệt đối và tỷ trọng lđ Nn, tăng tuyệt đối tỷ trọng CN và DV
 - Trình độ lđ chuyển theo hướng trí tuệ , linh hoạt với cơ cấu quy mô trình độ phát triển công nghiệp
 - Ưu tiên đào tạo đội ngũ quản lý nhà nước cho ngành mũi nhọn : cN thông tin....
 - Pt KHCN:
 - Xđ phương hướng chủ yếu cho sự phát triển KHCN
 - Ưu tiên ngành KHCN mũi nhọn phục vụ CM 4.0
 - SD công nghệ nhiều tầng
 - Coi trọng chuyển giao công nghệ
 - Xđ hệ thống các biện pháp đảm bảo cho sự phát triển của KHCN
 - Đào tạo bồi dưỡng sử dụng đội ngũ các bộ KHCN
 - Tăng cường đầu tư cho KHCN
 - Xây dựng hệ thống biện pháp
 - XD phát triển thị trường KHCN
 - Mở rộng cơ hội lựa chọn sp KHCN cho DN
 - Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHCN
 - Góp phần hoàn thiện nền KTTT
 - Xây dựng xã hội học tập
 - Thứ nhất: NN phải pt triển chiến lược phát triển nguồn nhân lực
- Chiến lược này phải xác định được quy mô, cơ cấu phát triển nguồn lực
- Thứ hai: NN tạo lập được kết cấu hạ tầng
 - Hệ thống bệnh viện, thư viện, phòng thí nghiệm....
 - Phát triển mạng thông tin
 - Cơ sở dữ liệu
 - Thứ 3:
 - Thứ 4: NN tạo lập và tranh thủ các quan hệ quốc tế trong phát triển GD- đào tạo
 - Huy động nguồn lực
 - Tiếp cận tri thức

Câu 15: các giải pháp phát triển nguồn nhân lực nước ta? (dựa vào C14)

- Nâng cao năng lực lựa chọn cho con người:
- Nâng cao năng lực hưởng thụ cho con người: